

NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU
Số: 2787 /CV-VPĐQT.22

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 8 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh**

Công ty: **NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU**

Mã chứng khoán: **ACB**

Trụ sở chính : 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84.28) 3929 0999

Fax : (84.28) 3839 9885

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đàm Văn Tuấn

Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84.28) 3929 0999

Fax : (84.28) 3839 9885

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 03/8/2022, Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu ban hành Quyết định số 3183/TCQĐ-HĐQT.22 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế công bố thông tin của Ngân hàng TMCP Á Châu.

Thông tin này đã được đăng tải trên website của Ngân hàng tại đường dẫn <http://acb.com.vn/vn/about/nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin> kể từ ngày 03/8/2022.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP ĐQT, Ph TH.

Tài liệu đính kèm:

- Quyết định số 3183/TCQĐ-HĐQT.22 ngày 03/8/2022.



Đàm Văn Tuấn
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Thực hiện theo Phụ lục II (Ban hành kèm theo Quyết định số 515/QĐ-UBCK ngày 25/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về Quy trình thực hiện công bố thông tin trên công thông tin điện tử của UBCKNN và báo cáo UBCKNN cho các đối tượng tham gia thị trường chứng khoán.)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế công bố thông tin của Ngân hàng TMCP Á Châu

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con;
- Căn cứ Công văn số 2509/NHNN-TTGSNH ngày 18/4/2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của ACB nhiệm kỳ 2018 – 2023; Nghị quyết số 1344/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023; Quyết định số 1354/TCQĐ-HĐQT.18 ngày 19/4/2018 về việc bầu các chức danh của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Theo kiến nghị của Văn phòng Hội đồng quản trị tại Tờ trình ngày 14/7/2022 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế công bố thông tin của Ngân hàng TMCP Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 21/7/2022,

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** Hội đồng quản trị nhất trí thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế công bố thông tin của Ngân hàng TMCP Á Châu và ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công bố thông tin (sửa đổi, bổ sung) của Ngân hàng TMCP Á Châu.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2892/TCQĐ-HĐQT.20 ngày 13/10/2020 về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Ngân hàng TMCP Á Châu.
- Điều 3.** Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các đơn vị và cá nhân có liên quan trong hệ thống Ngân hàng TMCP Á Châu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban kiểm soát (để biết);
- Lưu: VP HĐQT, Phòng TH.

Đính kèm:

- Quy chế công bố thông tin (sửa đổi, bổ sung) của Ngân hàng TMCP Á Châu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Hùng Huy

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	2
Điều 2. Đối tượng áp dụng.....	2
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	2
Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin	4
Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin.....	5
Điều 6. Phương tiện công bố thông tin	5
Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin.....	6
CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	6
Mục 1: Nội dung công bố thông tin	6
Điều 8. Công bố thông tin định kỳ.....	6
Điều 9. Công bố thông tin bất thường.....	8
Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu.....	12
Điều 11. Công bố thông tin của các đối tượng khác	12
Mục 2: Tổ chức công bố thông tin	14
Điều 12. Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin.....	14
Điều 13. Trách nhiệm cung cấp thông tin và chuẩn bị công bố thông tin	14
CHƯƠNG III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN	15
Điều 14. Hiệu lực thi hành	15
Điều 15. Sửa đổi, bổ sung	15

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3183 /TCQĐ-HĐQT.22 ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Ngân hàng TMCP Á Châu (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) và các cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng đối với Ngân hàng, người nội bộ của Ngân hàng và người có liên quan của người nội bộ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 3.1. UBCKNN là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 3.2. SGDCCK là Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.
- 3.3. TTLKCK là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
- 3.4. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Luật Chứng khoán này.
- 3.5. Thông tư số 96 là Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các Thông tư sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 96 này.
- 3.6. Quyết định số 21 là Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Công ty con.
- 3.7. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Luật Doanh nghiệp này;
- 3.8. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.
- 3.9. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:
 - a) Nhà đầu tư là người nội bộ của Ngân hàng và người có liên quan của người nội bộ;
 - b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Ngân hàng;
 - c) Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Ngân hàng;

d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Ngân hàng.

3.10. *Người nội bộ* của Ngân hàng là:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Thành viên Ban kiểm soát;
- c) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Ngân hàng ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng;
- d) Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng;
- e) Thư ký công ty;
- f) Người phụ trách quản trị công ty;
- g) Người được ủy quyền công bố thông tin.

3.11. *Ban điều hành* là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Giám đốc Tài chính của Ngân hàng.

3.12. *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- a) Cá nhân và cha ruột, cha nuôi, mẹ ruột, mẹ nuôi, cha chồng, mẹ chồng, cha vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con ruột, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết hoặc phần vốn góp của doanh nghiệp đó;
- c) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng, công ty chứng khoán đại chúng đó;
- d) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- e) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán; công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do quản lý;
- f) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia
- g) Tổ chức, cá nhân khác là người liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3.13. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 6.1 Điều 6 Quy chế này.

3.14. *Ngày báo cáo* là ngày gửi fax, gửi qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, phương tiện công bố thông tin của SGDCCK hoặc ngày

UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo, tùy theo thời điểm nào đến trước.

- 3.15. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc Danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.
- 3.16. *Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán* được xác định như sau:
- Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua SGDCK;
 - Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;
 - Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của Ngân hàng;
 - Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

- 4.1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, minh bạch, kịp thời theo quy định của pháp luật, bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng và phải bảo đảm:
- Đối tượng công bố thông tin chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin thực hiện công bố nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó;
 - Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm số Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh nhân dân hoặc số Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thẻ liên quan đồng ý;
 - Ngân hàng đăng ký thông tin liên hệ bằng văn bản với SGDCK bao gồm địa chỉ, website, điện thoại, số fax, địa chỉ email dùng để nhận và công bố thông tin đến SGDCK. Trường hợp có sự thay đổi thông tin đã đăng ký, Ngân hàng thông báo cho SGDCK bằng văn bản tối thiểu 24 giờ trước khi thay đổi có hiệu lực.
- 4.2. Khi công bố thông tin, đối tượng công bố thông tin đồng thời báo cáo cho UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán được niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm b) khoản 4.1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực

hiện công khai thông tin.

4.3. Ngân hàng có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau:

- a) Các thông tin công bố định kỳ được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng tối thiểu là 05 năm;
- b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong tối thiểu 05 năm.

4.4. Ngôn ngữ thông tin công bố là tiếng Việt.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin của Ngân hàng.

5.1. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.

5.2. Ngân hàng báo cáo, báo cáo lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được chỉ định, ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư số 96 cùng với Bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số III ban hành kèm theo Thông tư số 96 cho UBCKNN và SGDCK tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

6.1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của Ngân hàng;
- b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
- c) Trang thông tin điện tử của SGDCK;
- d) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử, v.v.).

6.2. Ngân hàng lập trang thông tin điện tử theo quy định của pháp luật.

6.3. Ngân hàng thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 6.1 Điều này.

6.4. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, Ngân hàng thực hiện công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin quy định tại điểm a), khoản 6.1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo

quy định của pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

6.5. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN và trang thông tin điện tử của SGDCK được thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN và SGDCK.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

7.1. Ngân hàng, người nội bộ (nếu có phát sinh) báo cáo cho UBCKNN và SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện bất khả kháng (như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,...), trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

7.2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Ngân hàng, người nội bộ công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mục 1 Nội dung công bố thông tin

Điều 8. Công bố thông tin định kỳ

8.1. Báo cáo tài chính:

8.1.1. Báo cáo tài chính năm:

Ngân hàng thực hiện công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

Ngân hàng thực hiện công bố 02 báo cáo: Báo cáo tài chính năm của riêng Ngân hàng và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

b) Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp tổ chức kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, Ngân hàng thực hiện công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Ngân hàng.

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm:

Ngân hàng thực hiện công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán, nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

8.1.2. Báo cáo tài chính bán niên:

Ngân hàng thực hiện công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

a) Báo cáo tài chính bán niên là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ,” trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Ngân hàng, được lập theo quy định tại điểm a) khoản 8.1.1 Điều 8 Quy chế này. Báo cáo tài chính bán niên được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Ngân hàng trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên:

Ngân hàng thực hiện công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét, nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

8.1.3. Báo cáo tài chính quý:

Ngân hàng thực hiện công bố báo cáo tài chính quý.

a) Báo cáo tài chính quý là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ,” được lập theo quy định tại điểm a) khoản 8.1.1 Điều 8 Quy chế này.

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý:

Ngân hàng thực hiện công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Ngân hàng thực hiện công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Ngân hàng trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý. Trường hợp báo cáo tài chính quý không được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thì Ngân hàng công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

8.1.4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 8.1.1, 8.1.2, và 8.1.3 Điều này, Ngân hàng đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại.

c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

8.1.5. Ngân hàng giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 8.1.4 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân Ngân hàng và báo cáo tài chính hợp nhất.

8.2. Báo cáo tình hình quản trị công ty:

Ngân hàng phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 96 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

8.3. Báo cáo thường niên:

Ngân hàng lập báo cáo thường niên theo Phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư số 96 và công bố báo cáo này chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

8.4. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên: (Nguồn: Điều 10.3 Thông tư số 96 và Điều 32.2 Điều lệ ACB)

8.4.1. Ít nhất 21 ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, Ngân hàng thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và của UBCKNN, SGDCK về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông.

8.4.2. Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được công bố theo quy định tại điểm 9.1.3 khoản 9.1 Điều 9 Quy chế này.

Điều 9. Công bố thông tin bất thường

9.1. Ngân hàng thực hiện công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

9.1.1. Tài khoản của Ngân hàng bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Ngân hàng.

9.1.2. Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.

Đối với thông tin công bố về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động, Ngân hàng thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III “Thông báo thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động” ban hành kèm theo Quyết định số 21 và gửi kèm (cho SGDCK) bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi.

- 9.1.3. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường (bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu [trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản]). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Ngân hàng thực hiện công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.
- 9.1.4. Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.
- 9.1.5. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.
- 9.1.6. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp), giải thể, phá sản Ngân hàng; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Ngân hàng, con dấu của Ngân hàng; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng.
- 9.1.7. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định của pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.
- 9.1.8. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.
- 9.1.9. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Ngân hàng với người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Ngân hàng.
- 9.1.10. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp Ngân hàng phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ

phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Ngân hàng báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Ngân hàng báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Ngân hàng hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Ngân hàng công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.

Ngân hàng thực hiện công bố thông tin theo mẫu Phụ lục V “Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết” ban hành kèm theo Quyết định số 21.

9.1.11. Công bố thông tin về thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ, nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ:

a) Ngân hàng thực hiện công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi ban hành nghị quyết/quyết định về thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ.

b) Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có đơn xin từ nhiệm khi chưa được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông, Ngân hàng thực hiện công bố đơn xin từ nhiệm trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được đơn xin từ nhiệm. Đối với trường hợp xin từ nhiệm của những người nội bộ khác, Ngân hàng thực hiện công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi quyết định bãi nhiệm người nội bộ của Ngân hàng có hiệu lực hoặc kể từ khi cấp có thẩm quyền của Ngân hàng chấp thuận đơn từ nhiệm (tùy trường hợp áp dụng).

c) Đồng thời với việc công bố thông tin về việc thay đổi nhân sự, Ngân hàng (i) gửi cho UBCKNN Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96 và (ii) gửi cho SGDCK “Thông báo thay đổi nhân sự” theo Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 21 cùng với Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96.

9.1.12. Trường hợp có sự thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (đã được Ngân hàng cung cấp cho SGDCK theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96), Ngân hàng báo cáo cho SGDCK về thay đổi thông tin của người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ theo mẫu Phụ lục II “Thông báo thay đổi người có liên quan của người nội bộ” kèm theo Quyết định số 21 trong vòng 24 giờ, kể từ khi Ngân hàng nhận được thông tin về sự thay đổi đó.

9.1.13. Ngân hàng đăng ký mô hình công ty và loại báo cáo tài chính phải công bố thông tin sau khi đăng ký ngày giao dịch đầu tiên hoặc đăng ký lại loại báo cáo tài chính khi thay đổi mô hình công ty (do tham gia góp vốn thành lập, mua để tặng sở hữu

trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên kết, dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc thành lập, giải thể đơn vị trực thuộc) theo mẫu Phụ lục IV “Thông báo đăng ký (thay đổi) mô hình công ty và loại báo cáo tài chính” ban hành kèm theo Quyết định số 21.

- 9.1.14. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Ngân hàng, người nội bộ của Ngân hàng, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Ngân hàng.
 - 9.1.15. Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Ngân hàng; Quyết định xử phạt Ngân hàng vi phạm pháp luật về thuế.
 - 9.1.16. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Ngân hàng căn cứ vào báo cáo tài chính (hợp nhất) năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính (hợp nhất) bán niên gần nhất được soát xét.
 - 9.1.17. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.
 - 9.1.18. Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Ngân hàng tại báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất bán niên gần nhất được soát xét.
 - 9.1.19. Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).
 - 9.1.20. Ngân hàng nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp đối với Ngân hàng.
 - 9.1.21. Trường hợp Ngân hàng nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Ngân hàng, Ngân hàng phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.
 - 9.1.22. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán nước ngoài.
 - 9.1.23. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Ngân hàng.
- 9.2. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
- 9.2.1. Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được thực hiện theo quy định tại khoản 8.4 Điều 8 Quy chế này.
 - 9.2.2. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, chậm nhất 10 ngày trước thời hạn gửi lại phiếu lấy ý kiến, Ngân hàng thực hiện công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

- 9.3. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 9.1 Điều này, Ngân hàng nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có). Việc công bố thông tin bất thường theo quy định tại Khoản 9.1 Điều này được thực hiện theo mẫu Phụ lục VI “Công bố thông tin bất thường” ban hành kèm Quyết định số 21 (trừ các điểm 9.1.2, 9.1.10, 9.1.11, 9.1.12, 9.1.13).
- 9.4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách) thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.
- 9.4.1. Ngân hàng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm 9.4.2 khoản này;
- 9.4.2. Ngân hàng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
- 9.5. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:
- 9.5.1. Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Ngân hàng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.
- 9.5.2. Các trường hợp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu

- 10.1. Trong các trường hợp sau đây, Ngân hàng thực hiện công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCCK:
- a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
- b) Có thông tin liên quan đến Ngân hàng ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.
- 10.2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Ngân hàng về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 11. Công bố thông tin khác

- 11.1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn:

Ngân hàng công bố trên trang thông tin điện tử của mình trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng gồm:

- a) Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Ngân hàng, hoặc khi không còn là cổ đông lớn;

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Ngân hàng khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, v.v.).

11.2. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Ngân hàng và người có liên quan của người nội bộ:

a) Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ có nghĩa vụ công bố thông tin, báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Ngân hàng về các giao dịch chứng khoán theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 96.

b) Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, Ngân hàng phải công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

11.3. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn:

Ngân hàng thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

11.4. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Ngân hàng thực hiện công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Ngân hàng và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng, của SGDCK và Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của UBCKNN theo quy định của pháp luật chứng khoán về việc hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

11.5. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ:

a) Trường hợp giao dịch cổ phiếu quỹ, Ngân hàng thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và các quy định có liên quan.

b) Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính Ngân hàng, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Ngân hàng thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

11.6. Công bố thông tin về phát hành, niêm yết trái phiếu doanh nghiệp:

Ngân hàng thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 19, Điều 20 Thông tư 96, các quy định của Luật Chứng khoán và các quy định có liên quan.

11.7. Công bố thông tin khác:

Ngân hàng thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 2 **Tổ chức công bố thông tin**

Điều 12. Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin

Bộ phận đầu mối chuẩn bị công bố thông tin của Ngân hàng bao gồm:

12.1. Khối Tài chính: Chịu trách nhiệm chuẩn bị công bố các thông tin báo cáo tài chính.

12.2. Văn phòng HĐQT:

- a) Chịu trách nhiệm chuẩn bị công bố các thông tin liên quan đến cổ đông, cổ phiếu, quản trị ngân hàng và các nội dung khác;
- b) Chịu trách nhiệm làm đầu mối tiếp nhận thông tin, thắc mắc và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư và các cơ quan chức năng khác liên quan đến các thông tin do Ngân hàng công bố.

Điều 13. Trách nhiệm cung cấp thông tin và chuẩn bị công bố thông tin

13.1. Đối với các nội dung công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu, các đơn vị của Ngân hàng (bao gồm khối, phòng, ban, trung tâm, văn phòng, chi nhánh, phòng giao dịch, công ty con) có liên quan có trách nhiệm thu thập thông tin và chuyển tới các bộ phận đầu mối đúng thời hạn. Các bộ phận đầu mối chịu trách nhiệm chuẩn bị công bố thông tin theo đúng quy định. Cụ thể như sau:

13.1.1. Công bố thông tin định kỳ:

- a) Khối Tài chính chịu trách nhiệm chuẩn bị công bố thông tin theo quy định tại khoản 8.1 Điều 8 Quy chế này;
- b) Văn phòng HĐQT chịu trách nhiệm chuẩn bị công bố thông tin theo quy định tại các khoản còn lại của Điều 8 Quy chế này.

13.1.2. Công bố thông tin bất thường:

Các đơn vị có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin cho bộ phận đầu mối 01 ngày làm việc trước khi kết thúc thời hạn công bố thông tin.

- a) Khối Tài chính chịu trách nhiệm chuẩn bị công bố thông tin như sau:
 - i) Phòng Kế toán (Khối Tài chính) có trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại điểm 9.1.1 khoản 9.1 Điều 9 Quy chế này.
 - ii) Phòng Kiểm soát tài chính (Khối Tài chính) có trách nhiệm cung cấp thông tin quy định tại điểm 9.1.7 khoản 9.1 và khoản 9.5 Điều 9 Quy chế này.
- b) Văn phòng HĐQT chịu trách nhiệm chuẩn bị công bố thông tin theo quy định tại các điểm còn lại của khoản 9.1, khoản 9.2 và khoản 9.4 Điều 9, Điều 10, và Điều 11 Quy chế này.

- i) Phòng Tổng hợp có trách nhiệm cung cấp cho Văn phòng HĐQT thông tin quy định tại điểm 9.1.15, 9.1.20 Điều 9 Quy chế này.
- ii) Khi xảy ra sự kiện quy định tại điểm 9.1.23 khoản 9.1 Điều 9 Quy chế này, các đơn vị có liên quan có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Văn phòng HĐQT.
- 13.2. Đối với các nội dung công bố thông tin thuộc nghĩa vụ cổ đông lớn, cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và những người có liên quan, v.v. thì các đối tượng này thực hiện công bố thông tin hoặc có thể ủy quyền cho 01 tổ chức (công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đại chúng, thành viên lưu ký, Trung tâm lưu ký chứng khoán hoặc tổ chức khác) thực hiện công bố thông tin theo quy định.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Hiệu lực thi hành

- 14.1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 8 năm 2022.
- 14.2. Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành, trưởng các đơn vị của Ngân hàng (bao gồm khối, phòng, ban, trung tâm, văn phòng, chi nhánh, phòng giao dịch, công ty con) và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung

- 15.1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị xem xét quyết định.
- 15.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng mà chưa được đề cập trong Quy chế này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật mà khác với các điều khoản trong Quy chế này thì quy định mới của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *luuu*
CHỦ TỊCH



Trần Hùng Huy